Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia Việt nam bậc Đại học

(Trích từ bảng mô tả khung trình độ Quốc gia Việt Nam, Kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Kiến thức	**Kỹ năng**	**Mức tự chủ và trách nhiệm**
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	**KN1:** Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	**TNTC1:** Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	**KN2:** Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	**TNTC2:** Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	**KN3:** Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	**TNTC3:** Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.	**KN4:** Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	**TNTC4:** Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	**KN5:** Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.	
	KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng	

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
	lực ngoại ngữ của Việt Nam.	

PHỤ LỤC

BẢNG MÔ TẢ KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA VIỆT NAM

(Kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Trích bảng mô tả khung trình độ quốc gia Việt Nam

đối với trình độ đại học và thạc sĩ

Bậc trình độ	Chuẩn đầu ra Người tốt nghiệp khóa đào tạo phải có:			Khối lượng học tập tối thiểu	Văn bằng, chứng chỉ
	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm		
6	**K1:** Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo. **K2:** Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật. **K3:** Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc. **K4:** Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh	**S1:** Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp. **S2:** Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. **S3:** Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi. **S4:** Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các	**C1:** Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. **C2:** Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. **C3:** Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	120-180 Tín chỉ	Bằng Đại học

	vực hoạt động cụ thể. **K5:** Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	thành viên trong nhóm. **S5:** Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp. **S6:** Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	**C4:** Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.		
7	**K1:** Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo. **K2:** Kiến thức liên ngành có liên quan. **K3:** Kiến thức chung về quản trị và quản lý.	**S1:** Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học; **S2:** Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác. **S3:** Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến. **S4:** Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học	**C1:** Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng. **C2:** Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. **C3:** Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn. **C4:** Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.	30-60 Tín chỉ	Bằng Thạc sĩ

		thuật và nghề nghiệp. **S5:** Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.			